

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 4159/07-26

Mã mẫu: 2607NT242 (069/07-26) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu

: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

Địa chỉ lấy mẫu

: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 04/07/2026

Ngày trả kết quả: 13/07/2026

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Nước thải

Mô tả mẫu

: Nước đục

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu

: Nước thải đầu vào

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq=0,9, Kf=1)
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	5,03	5,5 – 9
2	Độ màu ^(a)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	1266	150
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	810	90
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	524	45
5	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	1205	135
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	64,1	9
7	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	73,9	36
8	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	8,47	5,4
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	15,2	9
10	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	1,3 x 10 ⁵	5.000

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3041/06-26

Mã mẫu: 2605NT2844 (355/05-26) Trang : 1/2

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2026 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : Nước thải đầu ra

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K _q =0,9; K _r =1,0)
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550.B:2023	29,5	40
2	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,83	5,5 – 9
3	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.Cl.G:2023	0,26	1,8
4	Độ màu ^(a)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=6,0	150
5	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	<6	90
6	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17	45
7	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	38	135
8	Sunfua (S ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH MDL=0,03	0,45
9	Florua (F ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	KPH MDL=0,03	9
10	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH MDL=0,6	9
11	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	<9,0	36
12	Tổng P ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,26	5,4

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2605NT2844 (355/05-26) Trang: 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, K _a =0,9; K _f =1,0)
13	Xyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E:2023	KPH MDL=0,003	0,09
14	Tổng phenol ^(a)	mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH MDL=0,003	0,45
15	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH MDL=0,003	0,09
16	Crôm III (Cr ³⁺) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 SMEWW 3111.B:2023	KPH MDL=0,032	0,9
17	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	SMEWW 3112.B:2023	KPH MDL=0,0003	0,009
18	Sắt (Fe) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,03	4,5
19	Mangan (Mn) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,005	0,9
20	Đồng (Cu) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	<0,009	1,8
21	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	<0,024	2,7
22	Niken (Ni) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,007	0,45
23	Chì (Pb) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,014	0,45
24	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,0017	0,09
25	Asen (As) ^(a)	mg/L	US EPA 200.7	KPH MDL=0,008	0,09
26	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH MDL=1,0	9
27	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	KPH MDL=1,0	-
28	Tổng Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2023	7,8 x 10 ²	5.000

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



HOANG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3042/06-26

Mã mẫu: 2605CT2845 (355/05-26) Trang: 1/2

Đơn vị yêu cầu

: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

Địa chỉ lấy mẫu

: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 26/05/2026

Ngày trả kết quả: 15/06/2026

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Chất thải

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu

: Bùn của hệ thống xử lý nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
1	pH ^(a)	-	US EPA 9045D US EPA 9040C	5,84	2 – 12,5
2	Tổng xyanua (CN ⁻) ^(a)	mg/kg	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	<6,0	≥590
3	Tổng dầu ^(a)	mg/kg	US EPA 9071B	<48,0	-
4	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7196A	KPH MDL=0,06	-
5	Asen (As) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7062	<0,009	≥5,0
6	Thủy ngân (Hg) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7470A	KPH MDL=0,0015	≥0,2
7	Bạc (Ag) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	KPH MDL=0,04	-
8	Bari (Ba) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	1,48	≥100
9	Cadimi (Cd) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	KPH MDL=0,005	≥1,0
10	Coban (Co) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	KPH MDL=0,15	≥80

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

Mã mẫu: 2605CT2845 (355/05-26) Trang : 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 07:2025/BNNMT
11	Niken (Ni) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	KPH MDL=0,06	≥70
12	Chì (Pb) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	<0,18	≥5,0
13	Selen (Se) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	KPH MDL=0,02	≥1,0
14	Kẽm (Zn) ^(a)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	1,44	-
15	Benzen ^(c)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 5021A US EPA 8260D	<0,0001	≥0,5
16	Phenol ^(c)	mg/L	US EPA 1311 US EPA 3510C US EPA 3630C US EPA 8270E	KPH MDL=0,003	≥1000

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 07:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số được thực hiện từ nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc

HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3043/06-26

Mã mẫu: 2605KK2846-2605KK2847 (355/05-26) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2026 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK1** Khu vực xung quanh tại số nhà 33/12 Đặng Văn Bi (gần khu vực lò hơi)
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu Tọa độ: X=1198897; Y=610787
Thời điểm: KK1-1: 12h30; KK1-2: 18h00

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ)
				KK1-1	KK1-2	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,1	67,4	70

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3044/06-26

Mã mẫu: 2605KK2848 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2026 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK1** Khu vực xung quanh tại số nhà 33/12 Đặng Văn Bi (gần khu vực lò hơi)
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu Tọa độ: X=1198897; Y=610787
Thời điểm: 22h00

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 21 giờ đến 6 giờ)
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	54,8	55

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3045/06-26

Mã mẫu: 2605KK2849-2605KK2850 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
Địa chỉ lấy mẫu: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu: 26/05/2026 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu: Không lưu
Loại mẫu: Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK2** Khu vực xung quanh tại số nhà 49 Đặng Văn Bi (gần khu vực trạm xử lý nước thải của nhà máy)
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu: Tọa độ: X=1198877; Y=610740
: Thời điểm: KK2-1: 12h30; KK2-2: 18h00

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ)
				KK2-1	KK2-2	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,3	60,2	70

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3046/06-26

Mã mẫu: 2605KK2851 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ lấy mẫu : Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2026 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK2** Khu vực xung quanh tại số nhà 49 Đặng Văn Bi (gần khu vực trạm xử lý nước thải của nhà máy)
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu : Tọa độ: X=1198877; Y=610740
: Thời điểm: 22h00

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 21 giờ đến 6 giờ)
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	52,7	55

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3047/06-26

Mã mẫu: 2605KK2852-2605KK2853 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
Địa chỉ lấy mẫu: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM
Ngày lấy (nhận) mẫu: 26/05/2026 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu: Không lưu
Loại mẫu: Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK3** Khu vực xung quanh trước cổng nhà máy
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu: Tọa độ: X=1199024; Y=610824
: Thời điểm: KK3-1: 12h30; KK3-2: 18h00

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ)
				KK3-1	KK3-2	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,4	59,6	70

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3048/06-26

Mã mẫu: 2605KK2854 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ lấy mẫu : Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT
Ngày lấy (nhận) mẫu : 26/05/2026 **Ngày trả kết quả:** 15/06/2026
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
: **KK3** Khu vực xung quanh trước cổng nhà máy
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu Tọa độ: X=1199024; Y=610824
Thời điểm: 22h00

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 21 giờ đến 6 giờ)
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	54,3	55

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CEECO/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CEECO

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3049/06-26

Mã mẫu: 2605KT2855-2605KT2857 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu

: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

Địa chỉ lấy mẫu

: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 26/05/2026

Ngày trả kết quả: 15/06/2026

Thời gian lưu mẫu

: Không lưu

Loại mẫu

: Khí thải

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

: **KT1** Khí thải lò hơi KEWANEE, công suất 5 tấn/h

Tọa độ: X = 1198895; Y = 610790

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu

: **KT2** Khí thải lò hơi SCHNEIDER KESEL, công suất 3,2 tấn/h

Tọa độ: X = 1198900; Y = 610794

: **KT3** Khí thải lò hơi KEWANEE, công suất 3,5 tấn/h

Tọa độ: X = 1198904; Y = 610796

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) $K_p=1$; $K_v=0,6$
				KT1	KT2	KT3	
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	2.743	2.533	1.424	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	126	227	227	-
3	Áp suất ^(a)	mBar	SOP-HT.KT 05	1009,3	1009,1	1009,3	-
4	Vận tốc ^(a)	m/s	US EPA Method 2	5,4	11,0	5,7	-
5	Hàm ẩm ^(a)	%	US EPA Method 4	11,2	10,2	10,4	-
6	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	24,1	27,3	25,8	120
7	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	<3	<3	<3	300
8	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	106	85	51	510
9	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	17	39	33	600

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT.GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3050/06-26

Mã mẫu: 2605KT2858-2605KT2859 (355/05-26) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu

: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
: Lô O51, Khu nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp.HCM
: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

Địa chỉ lấy mẫu

: 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP. HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 26/05/2026

Ngày trả kết quả: 15/06/2026

Thời gian lưu mẫu

: Không lưu

Loại mẫu

: Khí thải

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu

: KT4 Khí thải máy phát điện DALESER 97145301 02P
Tọa độ: X = 1198888; Y = 610748
: KT5 Khí thải máy phát điện CATERPILLAR
Tọa độ: X = 1198885; Y = 610752

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) K _p =1; K _v = 0,6
				KT4	KT5	
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	1.270	1.866	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SOP-HT.KT 06	187	154	-
3	Áp suất ^(a)	mBar	SOP-HT.KT 05	1008,5	1008,6	-
4	Vận tốc ^(a)	m/s	US EPA Method 2	22,9	14,9	-
5	Hàm ẩm ^(a)	%	US EPA Method 4	6,1	5,4	-
6	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	38,2	35,6	120
7	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	<3	<3	300
8	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	48	246	510
9	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	200	162	600

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc

HOÀNG VĂN TÍN